

Người đại diện theo pháp luật:

Bà **Trương Thị Ánh T1**, sinh năm 1978 - Chức vụ: Giám đốc Bưu điện huyện T1.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11-8-2023):

Bà **Trịnh Thị V**; địa chỉ cư trú: Nhà số 02 đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

(Vụ án có 19 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27-4-2015, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam ký Quyết định số 387/QĐ về việc thành lập Bưu điện huyện T1 do Trịnh Thị V làm giám đốc, có nhiệm vụ: Cung cấp các dịch vụ của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam theo phân cấp và phục vụ hoạt động văn hóa tại Bưu điện. Ngày 01-01-2021 đến ngày 01-7-2021, Bưu điện huyện T1 ký kết Hợp đồng lao động với Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 vào làm việc tại Bưu điện Văn hóa xã P, huyện T1. Theo đó, T và S1 được giao nhiệm vụ cụ thể là: Thu hộ tiền thuế của các hộ kinh doanh cá thể, thu hộ tiền điện, tiền bán hàng như bột giặt, nước xả, dầu ăn..., tiền bảo hiểm nhân thọ A1 và nhận tiền của Bưu điện huyện T1 về chi trả cho các đối tượng chính sách trên địa bàn xã; thu hồi tiền những đối tượng đã chết. Các khoản thu hộ này do Bưu điện huyện T1 trực tiếp ký Hợp đồng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T1 về chi trả trợ cấp xã hội qua hệ thống Bưu điện; hợp đồng ủy nhiệm thu thuế với chi Cục Thuế huyện T1 về việc thu thuế của các hộ kinh doanh cá thể; hợp đồng với Công ty Điện lực Bình Định thu hộ tiền điện của các khách hàng trên địa bàn xã P thuộc quản lý của Điện lực P2. Các khoản thu này, hàng tháng Bưu điện huyện T1 phải cập nhật vào phần mềm, in danh sách để đối chiếu, quyết toán với chi Cục Thuế huyện T1 và Điện lực P2. Riêng các khoản chi trả cho những đối tượng hưởng chính sách đã chết thì cuối tháng phải nộp danh sách, số tiền đã chi (Phiếu chi), số tiền còn tồn chưa chi trả để quyết toán với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T1.

Với quy trình hoạt động thu, chi nêu trên; từ tháng 4-2021 đến tháng 10-2021, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 có nhiệm vụ chi trả tiền Bảo trợ xã hội cho các đối tượng chính sách trên địa bàn xã; thu hộ tiền thuế, tiền điện và các dịch vụ khác theo hợp đồng mà Bưu điện huyện T1 đã ký kết. Tuy nhiên, trong quá trình thực thi nhiệm vụ Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là thu hộ các khoản tiền như: *Thu hộ tiền điện; tiền bán hàng tiêu dùng; thu hộ tiền bảo hiểm A1; tiền bảo trợ xã hội, tiền thuế doanh thu của các hộ cá thể; thu tiền bưu chính chuyên phát*, nhưng không nộp cho Bưu điện huyện T1 mà chiếm đoạt sử dụng cho Trần Thị Thùy D1 mượn và chi tiêu cá nhân. Đến ngày 23-10-2021, Bưu điện huyện T1 thành lập Đoàn kiểm tra, kiểm tra tại Bưu điện Văn hóa xã P thì phát hiện Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 đã chi và thu hộ các khoản tiền

nêu trên, nhưng không tiến hành giao nộp cho Bưu điện huyện mà chiếm đoạt với tổng số tiền 240.892.344 đồng, nên có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra để tiến hành xác minh làm rõ.

Từ tháng 4-2021 đến tháng 10-2021, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Ngọc S1 đã lợi dụng chức vụ quyền hạn là thu và chi hộ các khoản tiền như: *Thu hộ tiền điện; tiền bán hàng tiêu dùng; thu hộ tiền bảo hiểm A1; tiền bảo trợ xã hội, tiền thuế doanh thu của các hộ cá thể; thu tiền bưu chính chuyên phát*, với tổng số tiền là 240.892.344 đồng, nhưng không giao nộp cho Bưu điện huyện T1, mà chiếm đoạt và cho Trần Thị Thùy D1 vay, số tiền còn lại tiêu xài cá nhân, trong đó:

- Nguyễn Thị Thanh T đã thu và chi hộ, còn chiếm đoạt 119.461.682 đồng, gồm các khoản thu, chi như sau:

+ Chi trả tiền bảo trợ xã hội cho 187 đối tượng chính sách trên địa bàn xã, nhưng không chi mà giữ lại để chiếm đoạt là 72.726.721 đồng.

+ Thu hồi tiền bảo trợ xã hội của 04 đối tượng chính sách là 10.530.000 đồng, nhưng không giao nộp cho Bưu điện huyện T1. Khoản thu này, Bưu điện huyện T1 đã tạm chi để nộp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T1.

+ Thu tiền căn cước công dân là 4.228.000 đồng.

+ Thu tiền bán hàng hóa tiêu dùng tháng 5-2021 là 1.442.000 đồng

+ Thu hộ tiền thuế, tháng 9-2021 của 32 hộ kinh doanh, với số tiền phải thu là 30.534.961 đồng.

Ngoài ra, ngày 04-7-2021, Bưu điện huyện T1 tiến hành kiểm tra đột xuất tại Bưu điện Văn hoá xã, thì phát hiện Nguyễn Thị Thanh T đã giữ lại các khoản tiền không giao nộp cho Bưu điện huyện T1, nên Bưu điện huyện không giao nhiệm vụ cho T trực tiếp thu, chi các khoản tiền đó, mà có nhiệm vụ hỗ trợ chỉ dẫn cho Nguyễn Ngọc S1 thu tiền thuế. Thời gian này, Nguyễn Thị Thanh T đã tự ý thu hộ tiền Bảo hiểm A1 của chị Nguyễn Thị H1 với số tiền 9.540.000 đồng không giao nộp cho Bưu điện huyện mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Như vậy, Nguyễn Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Các khoản thu nêu trên, Nguyễn Thị Thanh T sử dụng cá nhân và cho chị Trần Thị Thùy D1 mượn 50.000.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc S1 được Bưu điện huyện T1 giao là thu hộ và chi các khoản tiền, nhưng không giao nộp cho Bưu điện huyện mà giữ lại chiếm đoạt với số tiền là 111.890.662 đồng, cụ thể:

+ Tiền Bảo trợ xã hội tháng 9, tháng 10-2021, phải chi trả cho 94 đối tượng chính sách trên địa bàn xã là 42.808.000 đồng, nhưng không chi và không nộp cho lại cho Bưu điện huyện mà giữ lại chiếm đoạt. Khoản chi này, Bưu điện huyện đã chi tạm ứng theo Phiếu chi CM1/22/1168 để nộp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện.

+ Thu hộ tiền điện từ ngày 20 đến ngày 22-10-2021, nhưng không nộp cho Bưu điện huyện là 63.024.000 đồng. Khoản thu này, Bưu điện huyện đã chi tạm ứng theo Phiếu chi CM1/22/1168 để nộp vào tài khoản của Điện lực P2.

+ Thu hộ tiền bán hàng hóa tiêu dùng trong tháng 10-2021, nhưng không giao nộp cho Bưu điện huyện là 5.522.000 đồng.

+ Thu tiền doanh thu dịch vụ bưu chính tháng 10-2021 là 536.662 đồng.

Các khoản thu nêu trên, Nguyễn Ngọc S1 đã chiếm đoạt sử dụng và cho chị Trần Thị Thùy D1 mượn 61.000.000 đồng và cho Nguyễn Thị Thanh T mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 09-02-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra làm việc với ông Đặng Quốc Ph - Phó Giám đốc Điện lực P2 thì khoản thu này, Bưu điện huyện T1 đã chuyển khoản vào tài khoản của Điện lực P2 mở tài Ngân hàng Aribank - Chi nhánh P2 với số tiền 63.024.000 đồng. Hiện nay, Điện lực P2 không yêu cầu gì đối với Bưu điện huyện T1.

- Ngày 21-02-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với ông Nguyễn Văn Q1 - Phó trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T1, xác định: Việc chi tiền bảo trợ xã hội huyện T1 đã ký kết Hợp đồng với Bưu điện huyện T1 chi từ tháng 4-2021 đến tháng 10-2021, Bưu điện huyện T1 đã quyết toán cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện. Như vậy, ông Nguyễn Văn Q1 không yêu cầu khiếu nại gì.

- Ngày 30-8-2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với ông Trần Quang H2 - chi Cục Thuế huyện T1, xác định số tiền thu thuế của 32 hộ kinh doanh cá thể là 30.543.961 đồng, đến nay Bưu điện huyện T1 đã nộp vào Ngân sách Nhà nước, nên không yêu cầu khiếu nại gì.

Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Thị Thanh T đã khắc phục 36.204.961 đồng. Còn 92.796.721 đồng, gồm tiền chi bảo trợ xã hội là 72.726.721 đồng và tiền thu hồi bảo trợ xã hội 10.530.000 đồng và tiền bảo hiểm A1 9.540.000 đồng, T chưa khắc phục cho Bưu điện huyện T1. Nguyễn Ngọc S1 đã khắc phục xong số tiền chiếm đoạt là 111.890.662 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 28-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định:

Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Thanh T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Ngọc S1 05 (năm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ thi hành trách nhiệm dân sự, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 07-9-2023, Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 10-9-2023, Nguyễn Ngọc S1 kháng cáo xin giảm hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị được giảm hình phạt.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 10-2021, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1 đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là chi hộ và thu hộ các khoản tiền như: Chi trả tiền bảo trợ xã hội; thu hộ tiền điện, tiền thuế; tiền căn cước công dân và tiền bán hàng tiêu dùng do Bưu điện huyện T1 đã ký hợp đồng với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T1; Công ty Điện lực P2 - Chi nhánh Bình Định; Chi cục thuế huyện T1 với tổng số tiền là 231.352.344 đồng rồi không giao trả cho Bưu điện huyện T1, mà sử dụng cho người khác vay mượn và chi tiêu cá nhân. Trong đó, (1) Nguyễn Thị Thanh T chiếm đoạt 119.461.682 đồng gồm các khoản: Tiền bảo trợ xã hội 83.256.721 đồng; thu tiền căn cước công dân 4.228.000 đồng; tiền bán hàng 1.442.000 đồng và tiền thuế 30.534.961 đồng, (2) Nguyễn Ngọc S1 đã chiếm đoạt 111.890.662 đồng gồm các khoản: Tiền bảo trợ xã hội 42.808.000 đồng, tiền điện 63.024.000 đồng, tiền bán hàng 5.522.000 đồng và tiền doanh thu dịch vụ Bưu chính 536.662 đồng.

Ngoài ra, cũng trong khoảng thời gian trên, Nguyễn Thị Thanh T không được Bưu điện huyện T1 giao nhiệm vụ thu tiền Bảo hiểm A1, nhưng T đã tự ý thu của chị Nguyễn Thị H1 9.540.000 đồng, nhưng không giao trả cho Bưu điện huyện T1, mà chiếm đoạt tiêu xài cá nhân.

Với các hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định kết án Nguyễn Thị Thanh T về tội “Tham ô tài sản” theo các điểm c, d khoản 2, Điều 353 của Bộ luật Hình sự và tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự; kết án Nguyễn Ngọc S1 về tội “Tham ô tài sản” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm mất niềm tin của nhân dân vào đội ngũ công chức Nhà nước; ảnh hưởng uy tín của Bru điện huyện T1 nói riêng. Các bị cáo đều có đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, nên vẫn cố ý thực hiện. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi độc lập, không có sự phân công bàn bạc, do đó các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền mà mình đã chiếm đoạt.

Ngoài hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để tham ô 119.461.682 đồng, thì Nguyễn Thị Thanh T còn thu tiền bảo nhiệm A1 của chị Nguyễn Thị H1 nộp cho Bru điện là 9.540.000 đồng (không được giao nhiệm vụ) rồi chiếm đoạt; Nguyễn Ngọc S1 lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là chi hộ và thu hộ các khoản tiền cho các cơ quan, tổ chức rồi chiếm đoạt 111.890.662 đồng; do đó, cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; Nguyễn Ngọc S1 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt Nguyễn Thị Thanh T 07 năm 06 tháng tù (về hai tội), xử phạt Nguyễn Ngọc S1 05 năm tù là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyễn Thị Thanh T cung cấp được tài liệu để chứng minh gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, Nguyễn Ngọc S1 cung cấp được tài liệu chứng minh gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có công với cách mạng (có xác nhận của chính quyền địa phương), nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, Nguyễn Thị Thanh T phạm tội nhiều lần và phạm liên hai tội, sau khi xét xử sơ thẩm không tự nguyện bồi thường hết số tiền còn lại. Vì vậy, để cải tạo giáo dục bị cáo cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho các bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.**
 - Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1.
 - Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2023/HS-ST ngày 28-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; khoản 1 Điều 355; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Thị Thanh T 06 (sáu)** năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội “Tham ô tài sản” và 01 (**một**) năm tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 07 (**bảy**) năm 06 (**sáu**) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2. Áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- **Nguyễn Ngọc S1 05 (năm)** năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Ngọc S1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường